

Số: /2025/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Thực hiện Kết luận số 84-KL/ĐU ngày 21/6/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về Tờ trình số 1373/TTr-UBND ngày 17/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách, cụ thể quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

- Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông.
- Học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày

- Học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông (hoặc điểm trường) thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã

có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

a) Nhà ở xa trường từ 04 km trở lên đối với học sinh tiểu học và từ 07 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở.

b) Đối với địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá: Nhà ở xa trường từ 02 km trở lên đối với học sinh tiểu học và từ 03 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở.

2. Học sinh trung học phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông:

a) Nhà ở xa trường từ 10 km trở lên.

b) Đối với địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá: Nhà ở xa trường từ 05 km trở lên.

3. Học viên bán trú đang học tại cơ sở giáo dục thường xuyên mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn:

a) Nhà ở xa nơi học tập từ 07 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, 10 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

b) Đối với địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá: Nhà ở xa nơi học tập từ 03 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, 05 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày.... tháng.... năm 2025.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Chánh Văn phòng, các Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NC, KGVX.h.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thanh Lịch